

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 10 - 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tính

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Ly N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Sơn Thị Ly N trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2009, Chị Sơn Thị Ly N và Anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/11/2009. Trong thời gian chung sống, chị N và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân từ khoảng 06 tháng nay. Trong thời gian sống ly thân, giữa chị N và anh L không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L. Về con chung: Chị N và anh L chung sống với

nhau có 02 người con chung, gồm: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 15/8/2010 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/5/2012, hiện nay 02 cháu T và Đ đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn với anh L, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu T và Đ. Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn Anh Nguyễn Văn L:* Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nơi cư trú của anh L để tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để làm việc nên không ghi nhận ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

*Theo ông Phan Minh T là Trưởng ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu xác nhận:* Chị N và anh L có kết hôn và có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa phương, nhưng từ khoảng 07 tháng nay, chị N và anh L không còn chung sống với nhau (sống ly thân). Anh L đi làm thuê thường xuyên vắng mặt tại nhà, nhưng thỉnh thoảng anh L có về địa phương thăm gia đình. Hiện chị N và anh L không có nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện chức năng kiểm sát thì Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm. Chị N đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Ly N đối với anh Nguyễn Văn L, cho chị N ly hôn với anh L. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 15/8/2010 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/5/2012 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Chị Sơn Thị Ly N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn L, địa chỉ cư trú tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về tố tụng: Ngày 25/6/2021, Chị Sơn Thị Ly N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[3] Về hôn nhân: Năm 2009, chị N và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/11/2009, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, quyển số 02 nên hôn nhân của chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét thấy, trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N và anh L đã sống ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2021 đến nay nên chị N yêu cầu ly hôn với anh L. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đối với anh L. Cho chị N ly hôn với anh L.

[5] Về con chung: Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung, gồm: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 15/8/2010 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/5/2012 do 02 cháu T và Đ đang sống chung với chị N. Xét thấy, từ khi chị N và anh L sống ly thân đến nay 02 cháu T và Đ do chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên cần giao 02 cháu T và Đ cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng: Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định trong thời gian chung sống với anh L vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Sơn Thị Ly N đối với Anh Nguyễn Văn L. Cho chị N ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 15/8/2010 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/5/2012 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện các cháu T, Đ đang sinh sống chung với chị N. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000543 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã A, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Nguyễn Hoàng Tính**